TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: **198**/2025/QĐST-HNGĐ	*Tp Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1982;

Thường trú: số a đường b, phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Hà Văn Trường A, sinh năm 1978;

Thường trú: số a đường b, phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 8 năm 2025, những nội dung các đương sự thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh T và ông Hà Văn Trường A tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 5, Thành Phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên hai bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Phạm Thị Thanh T và ông Hà Văn Trường A yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Bà Phạm Thị Thanh T và ông Hà Văn Trường A cùng khai hai bên hai bên có 01 (một) con chung tên là Hà Gia Q sinh ngày 26/06/2006 do con chung đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Thanh T và ông Hà Văn Trường A xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà Phạm Thị Thanh T và ông Hà Văn Trường A chịu theo quy định.

Xét thấy bà Phạm Thị Thanh T và ông Hà Văn Trường A thực sự tự nguyện ly hôn, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Hai bên đã thỏa thuận được với nhau về tài sản chung và nợ chung. Sự thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh T và ông Hà Văn Trường A thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận số: số 37, quyển số 01, đăng ký ngày 22/4/2005 tại Ủy ban nhân dân phường 13, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

- Về con chung: Bà Phạm Thị Thanh T và ông Hà Văn Trường A cùng khai hai bên có 01 (một) con chung tên là Hà Gia Q sinh ngày 26/06/2006 đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Thanh T và ông Hà Văn Trường A cùng xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Phạm Thị Thanh T và ông Hà Văn Trường A cùng xác định không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bà Phạm Thị Thanh T và ông Hà Văn Trường A chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001659 ngày 03/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND KV3, TPHCM;
- THADS TPHCM;
- UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn.
- Lưu VP; Hồ sơ.

Nguyễn Thị Thanh Chi